

Số: 214 /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày 27 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-KCNĐN ngày 11 tháng 02 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án “Nhà máy sản xuất đế giày cao su và plastic với quy mô 9.600.000 đôi/năm và sản xuất miếng lót giày plastic với quy mô 9.600.000 đôi/năm và cho thuê nhà xưởng, diện tích 8.325 m²” của Công ty TNHH Primo (Việt Nam) tại Lô E, Khu công nghiệp Long Khánh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 598/KCNĐN-MT ngày 16 tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với Công ty TNHH Primo Việt Nam; văn bản số 1473/KCNĐN-MT ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Primo (Việt Nam);

Xét đề nghị của Công ty TNHH Primo (Việt Nam) tại văn bản số 09/CV-MT ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất giấy phép môi trường của dự án;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Primo (Việt Nam) (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất đế giày từ cao su và plastic với quy mô 9.600.000 đôi/năm; Sản xuất miếng lót giày từ plastic với quy mô 9.600.000 đôi/năm; Cho thuê nhà xưởng, diện tích 8.325 m²” tại Lô E, Khu công nghiệp Long Khánh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Chủ dự án:

1.1. Tên Chủ dự án: Công ty TNHH Primo (Việt Nam).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E, Khu công nghiệp Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3603276980 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 4 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 8 năm 2022 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 2166927161 chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 4 năm 2015, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 10 năm 2022 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp.

1.5. Mã số thuế: 3603276980.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đế giày từ cao su và plastic; Sản xuất miếng lót giày từ plastic; Cho thuê nhà xưởng.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án: 32.272 m².

+ Diện tích nhà xưởng số 01: 3.330 m².

+ Diện tích nhà xưởng số 02: 3.330 m² (trong đó cho thuê một phần nhà xưởng số 02 với diện tích 1.665 m²).

+ Diện tích nhà xưởng số 03: 3.330 m² (trong đó cho thuê toàn phần nhà xưởng số 03 với diện tích 3.330 m²).

+ Diện tích nhà xưởng số 04: 3.330 m² (trong đó cho thuê toàn phần nhà xưởng số 04 với diện tích 3.330 m²).

- Tiêu chí về môi trường: Dự án nhóm II.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

(1) Sản xuất đế giày từ cao su và plastic: 9.600.000 đôi/năm.

(2) Sản xuất miếng lót giày từ plastic: 9.600.000 đôi/năm.

(3) Cho thuê nhà xưởng: 8.325 m².

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

(i) Tại nhà xưởng số 01:

+ Quy trình sản xuất miếng lót giày: *Hạt nhựa E.V.A và phụ liệu* → *Cân phối liệu* → *Trộn liệu* → *Máy cán lần 1* → *Máy cán lần 2* → *Cắt ngắn* → *Làm nở* → *Cắt biên* → *Làm mỏng* → *Dán vải* → *Cắt, tạo hình miếng lót* → *Dán logo* → *Dán miếng gót* → *Kiểm hàng, đóng gói* → *Thành phẩm*.

+ Quy trình sản xuất đế giày dưới bằng cao su RB: *Cao su nhân tạo, cao su tự nhiên và các phụ gia, lưu huỳnh* → *Luyện liệu* → *Cán màu và lưu huỳnh* → *Kiểm tra lưu hóa* → *Cắt* → *Máy ép lưu hóa* → *Xén biên, chỉnh lý* → *Kiểm tra* → *Sản phẩm*.

(ii) Tại nhà xưởng số 02: Quy trình sản xuất đế IP: *Hạt nhựa E.V.A và phụ liệu* → *Cân, phối liệu* → *Trộn, hấp liệu* → *Máy cán* → *Máy tạo hạt* → *Máy ép* → *Lò hấp liệu* → *Định hình đế* → *Ra sản phẩm IP* → *Đo kích thước* → *Cắt biên* → *Mài* → *Vệ sinh* → *Đo kích thước* → *Kiểm hàng, đóng gói*.

Một phần nhà xưởng số 02 với diện tích 1.665 m²: Đơn vị thuê nhà xưởng sẽ thực hiện thủ tục môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định.

(iii) Tại nhà xưởng số 03: Cho thuê toàn phần nhà xưởng số 03 với diện tích 3.330 m². Đơn vị thuê nhà xưởng sẽ thực hiện thủ tục môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định.

(iv) Tại nhà xưởng số 04: Cho thuê toàn phần nhà xưởng số 04 với diện tích 3.330 m². Đơn vị thuê nhà xưởng sẽ thực hiện thủ tục môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng

ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2034).

Giấy phép môi trường số 26/GPMT-KCNĐN ngày 27 tháng 10 năm 2022 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp phê duyệt đối với dự án “Nhà máy sản xuất đế giày từ cao su và từ plastic với quy mô 9.600.000 đôi/năm và sản xuất miếng lót giày từ plastic với quy mô 9.600.000 đôi/năm” tại lô E, Khu công nghiệp Long Khánh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Long Khánh;
- Công ty Cổ phần KCN Long Khánh;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (P)

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số ²¹⁴/GPMT-KCNĐN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên (trong đó có đơn vị thuê nhà xưởng) được xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn, cùng với nước thải từ quá trình làm mát máy móc thiết bị được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Công ty trước khi đầu nối về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Khánh tại 01 vị trí trên đường số N5T14.

- Chủ dự án đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Long Khánh (là đơn vị quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Khánh) theo hợp đồng xử lý nước thải số 42/2022/HĐXLNT-KCNLK ngày 6 tháng 9 năm 2022.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Long Khánh theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Long Khánh.

- Chủ dự án không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên (đã bao gồm của đơn vị thuê nhà xưởng) với lưu lượng khoảng 147,9 m³/ngày được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất thiết kế 200m³/ngày.đêm của công ty để xử lý.

- Nước làm mát móc, thiết bị với lưu lượng khoảng 2,4 m³/ngày được thu gom về hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất 200m³/ngày.đêm để xử lý.

- Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư được xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Long Khánh trước khi đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Khánh.

1.1.2. Vị trí đầu nối nước thải:

- Vị trí: 01 hố ga đầu nối nước thải trên đường số 5.

- Tọa độ vị trí: X1 = 1212723; Y1 = 0441858 (theo Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trục 107⁰45', múi chiều 3⁰).

1.1.3. Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất: 150,3 m³/ngày đêm.

- Phương thức đầu nối thải: Tự chảy (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Long Khánh theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Long Khánh (Công ty Cổ phần Khu

công nghiệp Long Khánh) tại Hợp đồng xử lý nước thải số 42/2022/HĐXLNT-KCNLK ngày 6 tháng 9 năm 2022.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Sơ lược quy trình thu gom, xử lý nước thải: *Nước thải* → *Bể thu gom* → *Bể điều hòa* → *Bể Anoxic* → *Bể hiếu khí* → *Bể lắng sinh học* → *Bể khử trùng* → *Đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Khánh.*

- Công suất thiết kế: $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Mật ri đường, Chlorine, Cám gạo.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo quy định vận hành đã xây dựng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nguy cấp, nhà máy sẽ ngưng hoạt động và liên hệ ngay với đơn vị hạ tầng Khu công nghiệp để thỏa thuận xử lý trong thời gian Công ty khắc phục sớm nhất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời gian 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế: $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thành phần ô nhiễm: Nhiệt độ, pH, Độ màu, BOD₅, COD, TSS, Tổng Xianua, Tổng Phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, P tổng, N tổng, Clorua, Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, Coliform.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Primo (Việt Nam) phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo chất lượng nước thải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Long Khánh theo thuận xử lý nước thải giữa Chủ dự án và đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Long Khánh (Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Long Khánh).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Long Khánh và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Long Khánh), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Khánh để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 214 /GPMT-KCNĐN ngày 27 tháng 12 năm 2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn phối trộn tại quy trình sản xuất miếng lót giày.
- Nguồn số 02: Hơi dung môi phát sinh trong công đoạn quét keo miếng gót quy trình sản xuất miếng lót giày.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn phối trộn tại quy trình sản xuất miếng đế IP.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn mài tại quy trình sản xuất miếng đế IP.
- Nguồn số 05: Mùi phát sinh từ công đoạn ép tại quy trình sản xuất miếng đế IP.
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ công đoạn phối trộn tại quy trình sản xuất đế giày cao su RB
- Nguồn số 07: Mùi phát sinh từ công đoạn ép lưu hóa quy trình sản xuất đế giày cao su RB.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Tọa độ, vị trí xả khí thải, lưu lượng xả thải lớn nhất, phương thức xả thải:

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Primo (Việt Nam) tại Khu công nghiệp Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động sản xuất.

Dòng khí thải	Tên nguồn thải ⁽¹⁾	Tọa độ vị trí xả thải ⁽²⁾		Lưu lượng xả thải lớn nhất (m ³ /giờ)
		X (m)	Y (m)	
Dòng khí thải số 01	Ống thải sau hệ thống xử lý Hơi dung môi phát sinh trong công đoạn quét keo miếng gót quy trình sản xuất miếng lót giày (xử lý nguồn số 02)	1212902	0441524	10.000
Dòng khí thải số 02	Ống thải sau hệ thống xử lý mùi phát sinh từ công đoạn ép lưu hoá quy trình sản xuất đế giày dưới bằng cao su RB (xử	1212964	0441523	20.000

Dòng khí thải	Tên nguồn thải ⁽¹⁾	Tọa độ vị trí xả thải ⁽²⁾		Lưu lượng xả thải lớn nhất (m ³ /giờ)
		X (m)	Y (m)	
	lý nguồn số 07)			

Ghi chú:

(1) Nguồn số 01,03,04,05,06: Không có ống phát thải nên không có dòng thải.

(2) Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°.

2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v=0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể như sau:

S T T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép ⁽¹⁾		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT		
I	Dòng thải số 01 (Sản xuất miếng lót giày)					
1	Cyclohexan	mg/Nm ³	1.300	-	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng
2	Methyl Acetate	mg/Nm ³	610	-		
3	Ethyl Acetate	mg/Nm ³	1.400	-		
4	Metyl Cyclohecxa	mg/Nm ³	2.000	-		
II	Dòng thải số 02 (Sản xuất đế giày từ cao su RB)					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	-	160		
3	CO	mg/Nm ³	-	800		
4	SO ₂	mg/Nm ³	-	400		
5	NO _x	mg/Nm ³	-	680		

Ghi chú:

(1): Giá trị hạn cho phép nêu trên theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và $K_p = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2): Chủ dự án có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, các thông số còn lại tại Bảng 1 - QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và Bảng 1 - QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

- Nguồn số 02: Hơi dung môi phát sinh trong công đoạn quét keo miềng gót quy trình sản xuất miềng lót giày được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết 10.000 m³/giờ xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 07: Mùi phát sinh từ công đoạn ép lưu hoá quy trình sản xuất đế giày dưới bằng cao su RB được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết 20.000 m³/giờ xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

S T T	Công trình, thiết bị xử lý khí thải	Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (m ³ /giờ)	Hóa chất, vật liệu sử dụng
1	Hệ thống xử lý khí thải xưởng sản xuất miềng lót giày (xử lý nguồn số 02)	Mùi → Chụp hút/ống nhánh → Quạt hút → Ống dẫn trung tâm → Hệ thống hấp thụ bằng than hoạt tính → Ống phát thải ra môi trường → Khí thải đạt quy chuẩn cho phép, được thải ra môi trường.	10.000	Than hoạt tính
2	Hệ thống xử lý khí thải xưởng sản xuất đế giày từ cao su RB (xử lý nguồn số 07)	Mùi → Chụp hút/ống nhánh → Quạt hút → Ống dẫn trung tâm → Hệ thống hấp thụ bằng than hoạt tính → Ống phát thải ra môi trường → Khí thải đạt quy chuẩn cho phép, được thải ra môi trường.	20.000	Than hoạt tính

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Vận hành máy móc, thiết bị ở chế độ đảm bảo đúng công suất thiết kế.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời gian 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01 của xưởng sản xuất miềng lót giày, công suất thiết kế 10.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải số 02 của xưởng sản xuất đế giày từ cao su RB, công suất thiết kế 20.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải sau các hệ thống xử lý khí thải (theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh khí thải khi hệ thống xử lý khí thải đã khắc phục xong. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 214/GPMT-KCNDN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ khu vực máy trộn tại quy trình sản xuất miếng lót giày.
- Nguồn số 02: Từ khu vực máy cắt tại quy trình sản xuất miếng lót giày.
- Nguồn số 03: Từ khu vực máy cắt tại quy trình sản xuất đế IP.
- Nguồn số 04: Từ khu vực máy trộn tại quy trình sản xuất đế IP.
- Nguồn số 05: Từ khu vực máy cắt tại quy trình sản xuất đế cao su RB.
- Nguồn số 06: Từ khu vực máy trộn tại quy trình sản xuất đế cao su RB.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiều 3⁰)

- Nguồn số 01: Từ khu vực máy trộn; Tọa độ (X= 1212948, Y= 0441554).
- Nguồn số 02: Từ khu vực máy cắt; Tọa độ (X= 1212926, Y= 0441535).
- Nguồn số 03: Từ khu vực máy cắt; Tọa độ (X= 1212916, Y= 0441550).
- Nguồn số 04: Từ khu vực máy trộn; Tọa độ (X= 1212956, Y= 0441556).
- Nguồn số 05: Từ khu vực máy cắt; Tọa độ (X= 1212828, Y= 0441535).
- Nguồn số 06: Từ khu vực máy trộn; Tọa độ (X= 1212846, Y= 0441529).

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT; Cụ thể như sau:

S T T	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT; Cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 214/GPMT-KCNĐN ngày 27 tháng 12 năm 2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài,...)	07 03 08	Rắn	KS	30
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	KS	7
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 03 01	Lỏng	KS	660
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	KS	235
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	45,5
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải (đèn Exit, đèn sự cố khẩn cấp)	16 01 13	Rắn	NH	30
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	25
8	Dầu nhớt thải	17 06 01	Lỏng	NH	60
9	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	50
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	KS	2.089
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	KS	735
12	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (than hoạt tính), giẻ lau, vải bảo vệ thải có nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	1.498

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
13	Pin ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	NH	3,5
14	Cặn nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 02	Bùn/lỏng	KS	50
Tổng khối lượng chất thải dự kiến (kg/năm)					5.518

Ghi chú: Chủ dự án thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng carton và giấy vụn thải	18 01 05	Rắn	TT-R	3.959
2	Nylon, EVA thải	18 01 06	Rắn	TT-R	2.253
3	Nhựa thải	18 01 06	Rắn	TT-R	4.237
4	Vải vụn	18 01 10	Rắn	TT-R	507
5	Rẻo miếng lót trong giày thải	-	Rắn	TT-R	14.330
6	Rẻo cao su, vụn cao su	-	Rắn	TT-R	54.653
7	Rẻo đế IP	18 01 06	Rắn	TT-R	20.250
Tổng khối lượng chất thải dự kiến (kg/năm)					100.189

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	33.540
Tổng khối lượng chất thải dự kiến (tấn/năm)		33.540

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chuyên dụng.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 21,3 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: được bố trí khu vực riêng biệt; mái che bằng tôn, tường bao xung quanh bằng tôn, nền bê tông, có gờ chống tràn, có thiết kế rãnh để thu gom chất thải lỏng để phòng chống sự cố rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán mã chất thải nguy hại, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và ứng phó sự cố, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, bao bì lưu chứa.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 125 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 120 lít và 240 lít đặt tại các nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.

2.3.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20,7 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 214/GPMT-KCNĐN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.
8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty

Cổ phần Khu công nghiệp Long Khánh, Ủy ban nhân dân thành phố Long Khánh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành.

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới. *th*

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI